



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171#: _____ Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM ĐÀO NGỌC CHUNG
Last Middle First

Current Address: 69 Nguyễn Lâm, P.6. Q.10. TP HCM

Date of Birth: 12/12/1920 Place of Birth: Hải Phòng

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/29/75 To 7/18/79
Years: 4 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6.. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

hành theo công văn số

2563 ngày 27 tháng 11

năm 1972

Trại **GT Xuyên Mộc**

Số **17** GRT

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành ~~theo~~ quyết định tha số **39** ngày **20** tháng **06** năm **1979**

của **Bộ Nội Vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Đào Ngọc Hưng**

Họ, tên thường gọi **H**

Họ, tên bí danh **Không**

Sinh ngày **12** tháng **12** năm **1920**

Nơi sinh **Hải Phòng**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **69 Nguyễn Lân, Quận 10, TP.**

Hồ Chí Minh

Can tội **Trung úy trưởng ban thống kê**

Bị bắt ngày **29/06/1975**

Án phạt **03 năm T.T.T**

Theo quyết định, ~~amăn~~ số **176** ngày **31** tháng **08** năm **1978** của **Bộ Nội Vụ**

Đã bị tăng án **lần, cộng thành** năm

Đã được giảm án **lần, cộng thành** tháng

Nay về cư trú **Địa 69 Nguyễn Lân, Quận 10, TP.** Nơi rồi cũng gia

Nhận xét quá trình cải tạo

Đã là 10 năm mới không được cư ngụ trong TP. HCM, Quận 10, Quận 10, Quận 10

Tư tưởng : Đã nhận được một phần tội lỗi, có hiện tượng an tâm cải tạo

Lao động : Can khổ, chịu khổ, có nhiều cố gắng trong cải tạo một đủ khả năng

Quá trình một quy kỷ luật trại : Đã có lần nà vi phạm lớn

Đề nghị địa phương tiếp tục giáo dục

Lấn tay ngón trỏ phải

Của **Đào Ngọc Hưng**

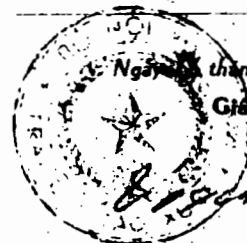
Danh bìn số **14403**

Lập tại **01 Nh 7500**

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

Chữ ký

Đào Ngọc Hưng



Ngày **7** tháng **7** năm **1979**
Giám thị

Thiếu tá : Vũ Văn

Ngày... tháng... năm...

Công an phường 16. Q.10.
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...

QUẢN LÝ AN TOÀN CÔNG AN
ĐA TRÌNH DIỆN
VE...
23/11/79
PHÒNG Q.L.T.A.
ĐM8



Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...

25. 7. 79

Đ/s có tên... diện tích...

Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...

Ngày... tháng... năm...
Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...

Đ/s có tên... diện tích...
địa... phường...

T. PHỒ chí Minh ngày 8. 11. 89

Kính gửi: - Bà Khúc minh Thở và Quý hội

Tôi đứng tên dưới đây là Đào ngọc Chung - sinh năm 1920. tại Hải Phòng. Hiện cư trú tại 69 Nguyễn Lâm - p6. Q10 TP HCM.

Trân trọng kính thờ nầy đến bà và quý hội xin hết lòng đại xét giúp đỡ cho gia đình tôi một việc sau:

Nguyên trước đây dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa, tôi phục vụ trong ngành Cảnh sát Quốc gia - từ năm 1955 - 1975 làm việc tại bộ Tư lệnh CSQG. cấp bậc: Trung úy - chức vụ trưởng ban thông kê nha kỹ thuật.

Đến sau ngày 30. 4. 75, gia đình tôi còn ở lại Việt Nam.

Ngày 29. 6. 75 tôi đi học tập cải tạo. được ra trại

ngày 18. 7. 79 - chịu sự tiếp tục quản chế 12 tháng (giấy ra trại số 17/GKT - trại cải tạo Xuyên Mộc - cấp ngày 18. 7. 79).

Kính thưa bà và Quý hội - gia đình tôi và riêng bản thân tôi trong suốt gần 15 năm qua (từ trong trại cải tạo cho đến khi được ra trại đến nay) chịu biết bao sự cố - sự cố biến đổi đột ngột và đe nặng lên chúng tôi là mất tình thân, sự khủng hoảng thân linh sâu sắc luôn ám ảnh lên tôi cho đến giờ phút này. Khi tôi được hân hạnh viết thư này đến bà và Quý hội niềm khao khát duy nhất của tôi và gia đình là khẩn cầu sự cứu giúp bằng tấm lòng thông cảm sâu sắc của bà và Quý hội từ phương xa vẫn hằng luôn hướng về đồng bào bên nhà, cảm thông cho tình cảnh và thân phận những thành phần chúng tôi, thấu hiểu cho sự chịu đựng của chúng tôi luôn bị dìm dặt về mọi phương diện - tương lai con cái tôi không một chút hy vọng. Những niềm khao khát Tự Do xin hãy cho chúng tôi một tia sáng từ "Thế giới Tự Do" - từ tấm lòng nhân đạo của bà và Quý hội của Chính phủ Hoa Kỳ - đặc ân cứu giúp chúng tôi - Chúng tôi luôn tin tưởng bà và Quý hội vẫn rộng vòng tay cứu vớt đồng bào - Những con người - những tấm lòng luôn hướng đến bà và

Quý hoi. can thiệp cứu vớt chúng tôi - Cho chúng tôi được
hít thở trở lại không khí thật sự TỰ DO theo đúng nghĩa
của 1 con người.

Chân thành tha thiết mong nhận được sự phúc đáp của
Bà và Quý hoi. - (Có bao điều muốn được bác bạch những sự
hạn chế xin Bà thấu hiểu cho)

Kính thư

Đào ngọc Chung

- Kính xin Bà và Quý hoi can thiệp với chính phủ Hoa Kỳ đặc
xét giúp đỡ cho phép gia đình tôi được đến Hoa Kỳ - Thế giới
TỰ DO. theo sự thỏa thuận nhân đạo giữa hai chính phủ.
Xin nhận nơi đây lòng chân thành của toàn gia đình tôi cảm
tạ sâu sắc tấm lòng của Bà và Quý hoi

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
ĐỘI TỬ LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC- GIA



THẺ HÀNH SỰ SỐ 047644



HỌ VÀ TÊN
ĐÀO-NGỌC-CHUNG
NGÀY SANH 12.12.1920
CẤP BẬC TRUNG-ỦY

Căn cước số 00089977 ngày 03.12.68

Cấp tại Quân 5 SG

Chứng nhận Tr/Ủy ĐÀO-NGỌC-CHUNG
rằng thẻ này là nhân-viên công lực Cảnh-Sát
Quốc-Gia

Số 30 TUYÊN
Saigon, ngày 2 tháng 3 1974

TU LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
Phó Tổng Giám Đốc Quốc-Gia
Phụ Tá *[Signature]*

PHU THU TUYÊN
1974 03 07



KIỂM - SOÁT
BỘ TƯ-LỆNH CSQG

Số: 84, BTLCQG/LLPV
Họ và Tên: Đào-Ngọc-Chúng
Khối: Cảnh-Sát
Sở: Cảnh-Giáo
Phòng: Phấn-Lọa

Ngày cấp 26.04. 1971

Chỉ-Huy-Trưởng Lục-Lương Phòng-Vệ



THỦ LƯU

FROM:

ĐÀO NGỌC CHUNG
69 NGUYỄN LÂM
P6 - Q10 - TP HCM

VIETNAM

28 NOV
1989
S.AUS 15000

FOR CHRIST

UNITED TOGETHER
AUSTRALIA

\$T

DEC 07 1989



PAR AVION

VIA AIR MAIL

TO:

M^{rs} KHUOC MINH THO
PO BOX 5435 ARLINGTON VA
22205 - 0635
U.S.A

BỘ NỘI VỤ
Trại **CT Xuyên Mộc**
Số **17** GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành ~~theo~~ quyết định tha số **39** ngày **20** tháng **06** năm **1979**

của **Bộ Nội Vụ**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Đào Ngọc Hưng**

Họ, tên thường gọi **Mê**

Họ, tên bí danh **không**

Sinh ngày **12** tháng **12** năm **1920**

Nơi sinh **Hải Phòng**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **69 Nguyễn Lâm, Quận 10, TP.**

Hồ Chí Minh

Cán bộ **Trung úy trưởng ban thống kê**

Đi bắt ngày **29/06/1975** Án phạt **03 năm T.T.T**

Theo quyết định, ~~theo~~ số **176** ngày **31** tháng **08** năm **1978** của **Bộ Nội Vụ**

Đã bị tăng án **lần, cộng thành** năm

Đã được giảm án **lần, cộng thành** tháng

Nay về cư trú **trại 69 Nguyễn Lâm, Quận 10, TP. HCM** rồi cùng gia

nhận xét, qua trình cải tạo **giảm 10 đ mới không được cư ngụ trong TP. HCM, Quận 10 12 tháng**

Tư tưởng : Đã xóa sạch được một phần tội lỗi, có biểu hiện an tâm cải tạo

Lao động : Chăm chỉ, chịu khổ, có nhiều cố gắng trong cải tạo mặc dù già yếu

Chấp hành nội quy kỷ luật trại : Chưa có lần nào vi phạm lớn

Đề nghị địa phương tiếp tục giáo dục

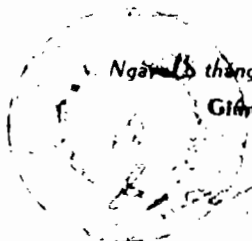
Lưu tay ngôn trở phải
Của **Đào Ngọc Hưng**
Định bun số **14403**
Lập tại **01 BH P500**

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Đào Ngọc Hưng

Đào Ngọc Hưng

Ngày **10** tháng **7** năm **19 79**
Giám thị



Thiếu tá : **VÕ CẨM**

[illegible]

23-7-59

- 2 mg

Jong San Jung

Khác nhau

25. 7. 79

Đ/s có tên tình diễn

1. Về nội dung: Các tài liệu này đã được kiểm tra và xác định là có giá trị lịch sử, văn hóa. Các tài liệu này đã được phân loại và xếp hạng theo quy định của pháp luật.

1. 2. 3. 4. 5. 6. 7. 8. 9. 10. 11. 12. 13. 14. 15. 16. 17. 18. 19. 20. 21. 22. 23. 24. 25. 26. 27. 28. 29. 30. 31. 32. 33. 34. 35. 36. 37. 38. 39. 40. 41. 42. 43. 44. 45. 46. 47. 48. 49. 50. 51. 52. 53. 54. 55. 56. 57. 58. 59. 60. 61. 62. 63. 64. 65. 66. 67. 68. 69. 70. 71. 72. 73. 74. 75. 76. 77. 78. 79. 80. 81. 82. 83. 84. 85. 86. 87. 88. 89. 90. 91. 92. 93. 94. 95. 96. 97. 98. 99. 100. 101. 102. 103. 104. 105. 106. 107. 108. 109. 110. 111. 112. 113. 114. 115. 116. 117. 118. 119. 120. 121. 122. 123. 124. 125. 126. 127. 128. 129. 130. 131. 132. 133. 134. 135. 136. 137. 138. 139. 140. 141. 142. 143. 144. 145. 146. 147. 148. 149. 150. 151. 152. 153. 154. 155. 156. 157. 158. 159. 160. 161. 162. 163. 164. 165. 166. 167. 168. 169. 170. 171. 172. 173. 174. 175. 176. 177. 178. 179. 180. 181. 182. 183. 184. 185. 186. 187. 188. 189. 190. 191. 192. 193. 194. 195. 196. 197. 198. 199. 200. 201. 202. 203. 204. 205. 206. 207. 208. 209. 210. 211. 212. 213. 214. 215. 216. 217. 218. 219. 220. 221. 222. 223. 224. 225. 226. 227. 228. 229. 230. 231. 232. 233. 234. 235. 236. 237. 238. 239. 240. 241. 242. 243. 244. 245. 246. 247. 248. 249. 250. 251. 252. 253. 254. 255. 256. 257. 258. 259. 260. 261. 262. 263. 264. 265. 266. 267. 268. 269. 270. 271. 272. 273. 274. 275. 276. 277. 278. 279. 280. 281. 282. 283. 284. 285. 286. 287. 288. 289. 290. 291. 292. 293. 294. 295. 296. 297. 298. 299. 300. 301. 302. 303. 304. 305. 306. 307. 308. 309. 310. 311. 312. 313. 314. 315. 316. 317. 318. 319. 320. 321. 322. 323. 324. 325. 326. 327. 328. 329. 330. 331. 332. 333. 334. 335. 336. 337. 338. 339. 340. 341. 342. 343. 344. 345. 346. 347. 348. 349. 350. 351. 352. 353. 354. 355. 356. 357. 358. 359. 360. 361. 362. 363. 364. 365. 366. 367. 368. 369. 370. 371. 372. 373. 374. 375. 376. 377. 378. 379. 380. 381. 382. 383. 384. 385. 386. 387. 388. 389. 390. 391. 392. 393. 394. 395. 396. 397. 398. 399. 400. 401. 402. 403. 404. 405. 406. 407. 408. 409. 410. 411. 412. 413. 414. 415. 416. 417. 418. 419. 420. 421. 422. 423. 424. 425. 426. 427. 428. 429. 430. 431. 432. 433. 434. 435. 436. 437. 438. 439. 440. 441. 442. 443. 444. 445. 446. 447. 448. 449. 450. 451. 452. 453. 454. 455. 456. 457. 458. 459. 460. 461. 462. 463. 464. 465. 466. 467. 468. 469. 470. 471. 472. 473. 474. 475. 476. 477. 478. 479. 480. 481. 482. 483. 484. 485. 486. 487. 488. 489. 490. 491. 492. 493. 494. 495. 496. 497. 498. 499. 500. 501. 502. 503. 504. 505. 506. 507. 508. 509. 510. 511. 512. 513. 514. 515. 516. 517. 518. 519. 520. 521. 522. 523. 524. 525. 526. 527. 528. 529. 530. 531. 532. 533. 534. 535. 536. 537. 538. 539. 540. 541. 542. 543. 544. 545. 546. 547. 548. 549. 550. 551. 552. 553. 554. 555. 556. 557. 558. 559. 560. 561. 562. 563. 564. 565. 566. 567. 568. 569. 570. 571. 572. 573. 574. 575. 576. 577. 578. 579. 580. 581. 582. 583. 584. 585. 586. 587. 588. 589. 590. 591. 592. 593. 594. 595. 596. 597. 598. 599. 600. 601. 602. 603. 604. 605. 606. 607. 608. 609. 610. 611. 612. 613. 614. 615. 616. 617. 618. 619. 620. 621. 622. 623. 624. 625. 626. 627. 628. 629. 630. 631. 632. 633. 634. 635. 636. 637. 638. 639. 640. 641. 642. 643. 644. 645. 646. 647. 648. 649. 650. 651. 652. 653. 654. 655. 656. 657. 658. 659. 660. 661. 662. 663. 664. 665. 666. 667. 668. 669. 670. 671. 672. 673. 674. 675. 676. 677. 678. 679. 680. 681. 682. 683. 684. 685. 686. 687. 688. 689. 690. 691. 692. 693. 694. 695. 696. 697. 698. 699. 700. 701. 702. 703. 704. 705. 706. 707. 708. 709. 710. 711. 712. 713. 714. 715. 716. 717. 718. 719. 720. 721. 722. 723. 724. 725. 726. 727. 728. 729. 730. 731. 732. 733. 734. 735. 736. 737. 738. 739. 740. 741. 742. 743. 744. 745. 746. 747. 748. 749. 750. 751. 752. 753. 754. 755. 756. 757. 758. 759. 760. 761. 762. 763. 764. 765. 766. 767. 768. 769. 770. 771. 772. 773. 774. 775. 776. 777. 778. 779. 780. 781. 782. 783. 784. 785. 786. 787. 788. 789. 790. 791. 792. 793. 794. 795. 796. 797. 798. 799. 800. 801. 802. 803. 804. 805. 806. 807. 808. 809. 810. 811. 812. 813. 814. 815. 816. 817. 818. 819. 820. 821. 822. 823. 824. 825. 826. 827. 828. 829. 830. 831. 832. 833. 834. 835. 836. 837. 838. 839. 840. 84

1954

CÔNG TY DỊCH VỤ QUẢN LÍ

**DỊCH VỤ
PHIẾP ẢNH**

Color Studio

_ SỐ 7-9 LÝ THÁI TỐ Đ.T: 55303 .

_ SỐ 355-365 NGÕ GIA TỰ ...

...Đ.T: 51414 .

_ SỐ 463 C.M.T.Đ.T: 41639 .

MÀU . TRẮNG . ĐEN

SỐ : 375 N

QUÝ DANH : AK .. 1x6 + 6

SỐ LƯỢNG ẢNH :





ĐÀO NGỌC CHUNG

12.12.1920

NGUYỄN THỊ MỸ

18.03.1923

ĐÀO ANH DUNG

15.01.1950

ĐÀO THỊ DUNG

11.10.1953

ĐÀO DUY TIẾN

05.05.1956



ĐÀO DUY MẠNH

04.09.1959

ĐÀO DUY LẮM

19.03.1961

ĐÀO DUY ĐÌNH

16.03.1963



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452895**

Họ tên **ĐÀO NGỌC CHỨNG**

Sinh ngày **12-12-1920**

Nguyên quán **Hải Phòng.**



Nơi thường trú **69 Ngõ Lâm**

Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.

Kinh .. Tôn giáo : .. Không ..

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi c. 3cm trên
trước dưới mày phải

Ngày 25 tháng 11 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Chánh Văn

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

BẢN SẠO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020677193

Họ tên: NGUYỄN PHỊ MY

Sinh ngày: 18-03-1923

Nguyên quán: Nam Hà.

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: 69 Nguyễn Lâm,

TP. Hồ Chí Minh.

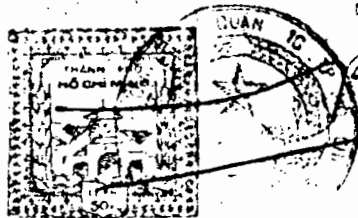
Số 244
CHÍNH NHÃN GIỚI Y BẢN CHÍNH

Xuất trình tại UBND Phường 6

Ngày 09 tháng 8 năm 1988

M UBND Phường 6

PHÓ CHỦ TỊCH



LÊ VĂN LÀI

Dân tộc Kinh

Tôn giáo **Không**

DẤU VẾT RIỆNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 0,6cm
trên đuôi mắt trái.

Ngày 2 năm 1979

T. V. L. THAM DUC HOAC TRUONG TY CONG AN
TRUONG CON AN QUAN DO

74
 75

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020577467**

Họ tên **ĐÀO ANH DŨNG**



Sinh ngày **15-01-1950**

Nguyên quán **Kiến An,
Hải Phòng.**

Nơi thường trú **69 Nguyễn Lâm
TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẳng lom cào
3cm dưới sau đuôi
mắt trái.

Nơi 06 tháng 02 năm 1979

T.Ư. CÔNG AN
TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
TRƯỞNG BAN AN QUÂN 10



Handwritten signature and initials.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020577151

Họ tên ĐÀO THỊ DUNG



Sinh ngày 11-10-1953

Nguyên quán Kiến An,

Hải Phòng.

Nơi thường trú 6 Nguyễn Lâm
Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452803**

Họ tên: **ĐÀO DUY TIẾN**



Sinh ngày: **05-5-1956**

Nguyên quán: **Hải Phòng.**

Nơi thường trú: **69 Ng. Lâm**

Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

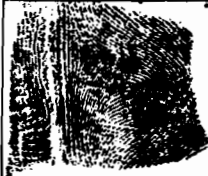
Phật



NGÓN TRỎ TRÁI

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm c, 3cm trên
sau mộp phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 25 tháng 11 năm 1985

THỦ LƯU GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thao
Lê Thanh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452894**

Họ tên **ĐÀO DUY MẠNH**



Sinh ngày **4-9-1959**

Nguyên quán **Hải Phòng.**

Nơi thường trú **69 Nguyễn Lâm,
Quận 10 TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

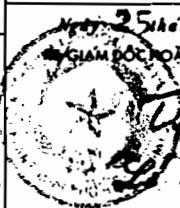
Nốt ruồi cách 3cm
trên sau cánh mũi phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 25 tháng 11 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



Thạch Văn
Lê Thành Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452896**

Họ tên **ĐÀO DUY LÂM**

Sinh ngày **19-3-1961**

Nguyên quán **Hải Phòng.**

Nơi thường trú **69 Ngõ Lâm**

Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.



Kinh Tôn giáo : Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc thẳng 2cm c, 2cm
trên sau mép phải.

Ngày 29 tháng 11 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thanh
Lê Thanh Văn
hạt.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020629928**

Họ tên **ĐÀO DUY ĐÌNH**



Sinh ngày **16-03-1963**

Nguyên quán **Việt Khê,**

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú **69 Nguyễn Lâm,**

TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chằm cách 4cm
trên sau đầu máy trái

Ngày 23 tháng 01 năm 1979

T. L. QUÂN ĐỘI HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

TRƯỞNG QUÂN AN QUÂN 10



Khong
Điêu - Nga



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452895**

Họ tên **ĐÀO NGỌC CHỨNG**

Sinh ngày **12-12-1920**

Nguyên quán **Hải Phòng.**



Nơi thường trú **69 Ngõ Lâm**

Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.

Kinh .. Tôn giáo : .. Không ..

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Nốt ruồi c. 3cm trên
trước dưới mày phải

Ngày 25 tháng 11 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Chánh Văn

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI

BẢN SẠO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020677193

Họ tên: NGUYỄN PHỊ MY

Sinh ngày: 18-03-1923

Nguyên quán: Nam Hà.

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú: 69 Nguyễn Lâm,

TP. Hồ Chí Minh.

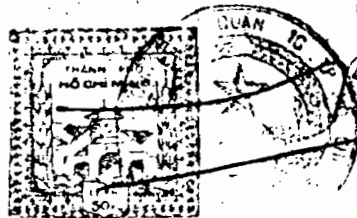
Số 244
CHỖNG NHÃNG GIÔNG Y BÀN CHỈNH

Xuất trình tại UBND Phường 6

Ngày 09 tháng 8 năm 1988

M UBND Phường 6

PHÓ CHỦ TỊCH



LÊ VĂN LÀI

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Nốt ruồi cách 0,6cm
trên đuôi mắt trái.

NGON TRÁI

NGON TRÁI

Tháng 2 năm 1979

V. L. K. H. A. D. H. O. C. T. R. U. O. N. G. T. Y. C. O. N. G. A. N.
T. R. U. O. N. G. C. O. N. A. N. Q. U. A. N. I. O.



Tu. Tia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020577467**

Họ tên **ĐÀO ANH DŨNG**



Sinh ngày **15-01-1950**

Nguyên quán **Kiến An,
Hải Phòng.**

Nơi thường trú **69 Nguyễn Lâm
TP. Hồ Chí Minh.**



Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo thẳng lom cào
3cm dưới sau đuôi
mắt trái.

Nơi 06 tháng 02 năm 1979

T.Ư. CÔNG AN
TRƯỞNG TỶ CÔNG AN
TRƯỞNG BAN AN QUÂN 10



Handwritten signature and initials.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020577151

Họ tên ĐÀO THỊ DUNG



Sinh ngày 11-10-1953

Nguyên quán Kiến An,

Hải Phòng.

Nơi thường trú 6 Nguyễn Lâm
Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452803**

Họ tên: **ĐÀO DUY TIẾN**



Sinh ngày: **05-5-1956**

Nguyên quán: **Hải Phòng.**

Nơi thường trú: **69 Ng. Lâm**

Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

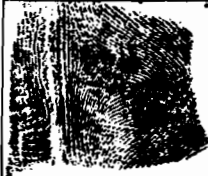
Phật



NGÓN TRỎ TRÁI

ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chạm c, 3cm trên
sau mộp phải.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 25 tháng 11 năm 1985

THỦ LƯU GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thao
Lê Thanh Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452894**

Họ tên **ĐÀO DUY MẠNH**



Sinh ngày **4-9-1959**

Nguyên quán **Hải Phòng.**

Nơi thường trú **69 Nguyễn Lâm,
Quận 10 TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc:

Kinh

Tôn giáo:

Không



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

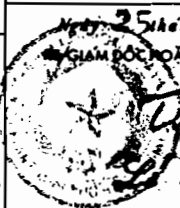
Nốt ruồi cách 3cm
trên sau cánh mũi phải



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày 25 tháng 11 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN



Thạch Văn
Lê Thành Văn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022452896**

Họ tên **ĐÀO DUY LÂM**

Sinh ngày **19-3-1961**

Nguyên quán **Hải Phòng.**

Nơi thường trú **69 Ngõ Lâm**

Q.10, Tp. Hồ Chí Minh.



Kinh Tôn giáo : Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sọc thẳng 2cm c, 2cm
trên sau mép phải.

Ngày 29 tháng 11 năm 1985

GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Thanh
Lê Thanh Văn
hạt.

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020629928**

Họ tên **ĐÀO DUY ĐÌNH**



Sinh ngày **16-03-1963**

Nguyên quán **Việt Khê,**

Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú **69 Nguyễn Lâm,**

TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: **Kinh**

Tôn giáo: **Không**



NGÓN TRỎ TRÁI



NGÓN TRỎ PHẢI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Sẹo chằm cách 4cm
trên sau đầu máy trái**

Ngày **23** tháng **01** năm **1979**

**T. L. QUÂN ĐỘI HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRƯỞNG QUÂN AN QUÂN 10**



Không
Điền tên

---*---

Ngày 17 Tháng 12 Năm 1989

Kính gửi : *S. Sao Ngọc Chung*

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà
đề ngày 8.11.89.

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà
vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn
nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại tình tình đó, chúng tôi luôn
luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi điều kiện thuận lợi sẽ
sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dồn phụng dưỡng
những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên
tích cực tu lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết
quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh
tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tránh đề cập
đến. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thủ,

Minh Thở
Khúc Minh Thở

HỒ SƠ TÊN:

) ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KẸM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

TÀI LIỆU CẦN BỔ TÚC:

-) Hồ sơ bảo trợ () IV# , () LOI , () Exit visa , () I-171 , () GIẤY RA TRẠI
-) Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
-) Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
-) Giấy bảo tử (nếu chệt trong trại học tập)
-) Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ
huy chương v.v...)

CÁC THỦ KHÁC:

Vì điều kiện không có được những mẫu câu hỏi ODP. xin kèm
theo đây bản tự khai về bản thân tại quá trình làm việc tại nhiệm sở
cũ (bộ Tư lệnh CSQG). Thời gian ở các trại cải tạo (sau 30.4.75) và những người
thân liên hệ trong gia đình. Kính xin bà và Quý hội hết sức vui lòng đặc biệt
quý đỡ thay tại điền lại vào các mẫu cần thiết. chân thành đa tạ.

Định kèm theo đây (tất cả bản sao mỗi mẫu 2 bản)

- 2 giấy ra bài
- 2 thẻ hành sự
- 2 phiếu kiểm soát { do bộ Tư lệnh Cảnh sát Quốc gia cấp
- 2 giấy biên nhận đăng ký xin xuất cảnh
- 2 hộ khẩu
- 2 hơn thú
- khai sanh của từng người (riêng khai sanh của Đào ngọc Chung bị thất lạc trong chiến tranh nên chưa được đo sao lục - xin minh chứng bằng thẻ hành sự và phiếu kiểm soát - chứng minh nhân dân và hộ khẩu)
- hình mỗi người (8 người)
- chứng minh nhân dân (8 người)

From: Đào ngọc Chung
69 Nguyễn Lâm - p6. Q10
T.P Hồ chí Minh - Việt Nam



FEB 15 1990



To: M^{rs} KHUẾ MINH THƠ

P.O. BOX 5435, ARLINGTON VA

22205 - 0635

U. S. A

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
ĐỒ TỬ LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC- GIA



THẺ HÀNH SỰ SỐ 047644



HỌ VÀ TÊN
ĐÀO-NGỌC-CHUNG
NGÀY SANH 12.12.1920
CẤP BẬC TRUNG-ỦY

Căn cước số 00089977 ngày 03.12.68

Cấp tại Quân 5 SG

Chúng tôi nhận Tr/Ủy ĐÀO-NGỌC-CHUNG
rằng thẻ này là nhân-viên công lực Cảnh-Sát
Quốc-Gia

Số 30 HƯNG SAIGON, ngày 2 tháng 3 1974

TU LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
Phó Tổng Giám Đốc Quốc-Gia

PHU THU TUC



KIỂM - SOÁT
BỘ TƯ-LỆNH CSQG

Số: 84. BTLCQG/LLPV
Họ và Tên: Đào-Ngọc-Chúng
Khối: Cảnh-Sát
Sở: Cảnh-Giáo
Phòng: Phấn-Lọa

Ngày cấp 26.04. 1971

Chỉ-Huy-Trưởng *Lưu-Lương* Phòng-Vệ



THÀNH HỒI TỰ

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
ĐỒ TỬ LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC- GIA



THẺ HÀNH SỰ SỐ 047644



HỌ VÀ TÊN
ĐÀO-NGỌC-CHUNG
NGÀY SANH 12.12.1920
CẤP BẬC TRUNG-ỦY

Căn cước số 00089977 ngày 03.12.68

Cấp tại Quân 5 SG

Chúng tôi nhận Tr/Ủy ĐÀO-NGỌC-CHUNG
rằng thẻ này là nhân-viên công lực Cảnh-Sát
Quốc-Gia

Số 30 HƯNG SAIGON, ngày 2 tháng 3 1974

TU LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA
Phó Tổng Giám Đốc Quốc-Gia

PHU THU TUC



KIỂM - SOÁT
BỘ TƯ-LỆNH CSQG

Số: 84. BTLCQG/LLPV
Họ và Tên: Đào-Ngọc-Chúng
Khối: Cảnh-Sát
Sở: Cảnh-Giáo
Phòng: Phấn-Lọa

Ngày cấp 26.04. 1971

Chỉ-Huy-Trưởng *Lưu-Lương* Phòng-Vệ



THỦ LƯU LƯU LƯU

CÔNG AN QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 2403/BN.

GIẤY BIÊN NHẬN

Ông, Bà: Đào Ngọc Chung Sinh 1920

Địa chỉ: 69 Nguyễn Lâm

Phường: 6 Quận 10.

Có nộp thủ tục hồ sơ xin đăng ký xuất cảnh

Số người: 08 (tám người)

Đi: liệt do CP liệt bảo lãnh

Số hồ sơ: _____ chuyển lên phòng Công tác

về Người Nước Ngoài ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 11 năm 1989

CÔNG AN QUẬN 10

[Signature]

AN 10

Đường

CÔNG AN QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 2402/BN.

GIẤY BIÊN NHẬN

Ông, Bà: Đào Ngọc Chung Sinh 1920

Địa chỉ: Cố Nguyễn Văn Lâm

Phường: C Quận 10.

Có nộp thủ tục hồ sơ xin đăng ký xuất cảnh

Số người: 08 (tám người)

Đi: liệt do CP liệt bảo lãnh

Số hồ sơ: _____ chuyển lên phòng Công tác
về Người Nước Ngoài ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

TP. Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 11 năm 1989

CÔNG AN QUẬN 10

Đào

Đường

BỘ NỘI VỤ
Trại CT Xuyên Mộc
Số 17 GRI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành ~~theo~~ quyết định tha số 39 ngày 20 tháng 06 năm 1979

của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Đào Ngọc Hùng**

Họ, tên thường gọi **Đ**

Họ, tên bí danh **không**

Sinh ngày 12 tháng 12 năm 1920

Nơi sinh **Hải Phòng**

Nơi đang ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **69 Nguyễn Lâm, quận 10, TP.**

Hồ Chí Minh

Cán bộ **Trung úy trưởng ban thống kê**

Đi bắt ngày 29/06/1975 An phạt 03 năm TTTT

Theo quyết định, ~~theo~~ số 176 ngày 31 tháng 08 năm 1978 của Bộ Nội Vụ

Đã bị tăng án lần, cộng thành năm

Đã được giảm án lần, cộng thành tháng

Nay về cư trú **tại 69 Nguyễn Lâm, quận 10, TP. HCM** rồi cùng gia đình **Đ** ở mới không được cư ngụ trong TP. HCM, quán cho 12 tháng

Nhận xét, quá trình cải tạo

Tư tưởng : Đã xác định được một phần tội lỗi, có biểu hiện an tâm cải tạo

Lao động : Chăm chỉ, chịu khổ, có nhiều cố gắng trong cải tạo mặc dù già yếu

Chấp hành nội quy kỷ luật trại : Chưa có lần nào vi phạm lớn

Đề nghị địa phương tiếp tục giáo dục

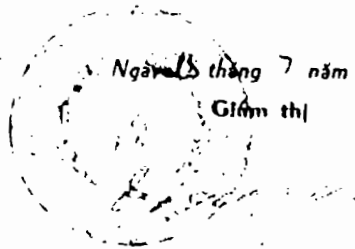
Lưu tay neon tro phải
Của **Đào Ngọc Hùng**
Định biên số **11403**
Lưu tại **01 B4 F500**

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Đào Ngọc Hùng

Đào Ngọc Hùng

Ngày 15 tháng 7 năm 1979
Giám thị



Thiếu tá : **Vũ Văn**

dit per 3-2-2

18.  *Trần Văn Công*

43. 7. 3

Ans. ---

1. Dong dan Sibung

Kác, nhàn

25. 7. 79

Đ/s có tên trường địa

phần: 1 của tập NOK.

Đoạn văn này bị nhiễu nặng, không thể đọc được.

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 683561 CN

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN THỊ MỸ

Ấp, ngõ, số nhà : 69

Thị trấn, đường phố : NGUYỄN LÂM

Xã, phường : 16

Số : 103.67

Huyện, quận : MỸ ĐÌNH

Ngày 10 tháng 03 năm 1982

Trưởng công an : QUỲN 10

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHÓ CÔNG AN CHỨC TỬ
Thị trấn 10

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỌ

[illegible]

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số : 683561 CN

Họ và tên chủ hộ : NGUYỄN THỊ MỸ

Ấp, ngõ, số nhà : 69

Thị trấn, đường phố : NGUYỄN LÂM

Xã, phường : 16

Số : 103.67

Huyện, quận : MỸ ĐÌNH

Ngày 10 tháng 03 năm 1982

Trưởng công an : QUỲNH 10

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



PHÓ CÔNG AN CHỨC LƯU
Thị trấn Hồ Chí Minh

Số NK 3 :

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỌ

[illegible]

BỘ. TƯ- PHÁP

Ngày

7

tháng

năm 195

SỞ TƯ- PHÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA- GIẢI
SAIGON

GIẤY THẾ- VÌ

BỘ-LƯU CHỮ

DAO NGOC CHUNG - NGUYEN THI MY

Năm một ngàn chín trăm năm mươi ~~tu~~ ngày 7 tháng 7, hồi 10 giờ
 Trước mặt chúng tôi là ~~ĐẠI-LẬP~~ Chánh-Án Tòa Hòa-Giải
 Saigon tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn Huệ có Lục-sự ~~ĐẠI-LẬP~~
 phụ-tá

ĐÃ ĐẾN HẦU:

1. HOANG VAN AN

2. NGUYEN TRONG THI

3. TRAN DUC QUYNH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

DAO NGOC CHUNG sanh ngày 12-12-1920, tại Kiên An, Bac-phân,
 con của Đào độc Củng (chết) và Phạm thi Tu -

- và tên NGUYEN THI MY sanh ngày 18-3-1923, tại Nam dinh,
 con của Nguyễn trương Nguyễn và Đào thi Bôn (chết ca)-

- và biết hai đảng co làm hôn-thu bậc nhut ngày 18-3-1923,
 tại Nam dinh (Bac-phân)-

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì ~~đó~~
 để ~~may cho tương lai~~ đã xu đúng theo luật -

chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời
 Nam-phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội
 nguy-chứng và Việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2.000 quan đã được
 đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại,

Ký tên: ~~ĐẠI-LẬP~~

Dưới có ghi: Đóng bách-phần tại phòng ~~ĐẠI-LẬP~~ Saigon.

Ngày tháng năm 195 ~~ĐẠI-LẬP~~ Quyền, Tô, Số, Thi

Ký tên:

GIÁ TIỀN:

Sao-lục 1 \$ 00

Biên-lai 0.50

Cộng 1 \$ 50



Lục-sao y,
 Chánh Lục-Sự,

[Handwritten signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Lục sao y theo bản chánh đề tại phòng Lục-sự Tòa Hòa-Giải Saigon

BỘ TƯ-PhÁP

Ngày

7

tháng

năm 195

SỞ TƯ-PhÁP NAM-PHẦN

TÒA HÒA-GIẢI
SAIGON

GIẤY THẺ-VÌ

ĐÀO NGOC CHUNG

ĐÀO NGOC CHUNG - NGUYEN THI MY

Năm một ngàn chín trăm năm mươi ~~ăm~~ ngày 7 tháng ~~ăm~~, hồi 10 giờ
Trước mặt chúng tôi là ~~Đào Ngọc Chung và Nguyễn Thị Mỹ~~, Chánh-An Tòa Hòa-Giải
Saigon tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn Huệ có Lục-sự ~~Đào Ngọc Chung và Nguyễn Thị Mỹ~~
phụ-tá

ĐÃ ĐẾN HẦU:

1. HOANG VAN AN

2. NGUYEN TRONG THI

3. TRAN DUC QUYNH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

ĐÀO NGOC CHUNG sanh ngày 12-12-1920, tại Kiên An, Bac-phân,
con của Đào dộc Cung (chết) và Phạm thi Tu -

- và tên **NGUYEN THI MY** sanh ngày 18-3-1923, tại Nam dinh,
con của Nguyễn trương Nguyễn và Đào thi Bôn (chết ca)-

- và biết hai đảng co làm hôn-thu bắc nhut ngày 18-3-1923,
tại Nam dinh (Bac-phân)-

Mấy nhân-chứng đã xác nhận trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì **Đào-Thu**
để **say cho Đào Ngọc Chung và Nguyễn Thị Mỹ** theo luật -

chiếu theo Nghị-Định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời
Nam-phần Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải phạt tội
ngụy-chứng về Việc Hộ tù 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2.000 quan đã được
đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại,

Ký tên: **Đào Ngọc Chung** -

Dưới có ghi: Đóng bách-phần tại phòng **Tòa Hòa-Giải Saigon**.

Ngày ~~7~~ tháng ~~7~~ năm 195 **Quyển**, Tô ~~7~~, Số ~~7~~, Thi ~~7~~

Ký tên:

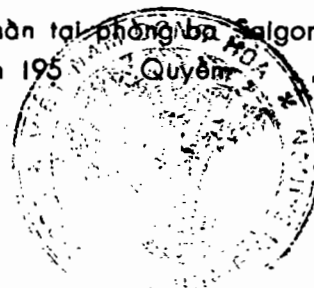
GIÁ TIỀN:

Sao-lục 1 \$ 00

Biên-lai 0, 50

Cộng 1 \$ 50

Lục sao y,
Chánh Lục-Sự,



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ TƯ PHÁP

Sở Tư-Pháp Nam-Phân

TÒA HÒA-GIẢI
SAIGON

Lục sao y theo bản chánh đề tại phòng Lục-sự tòa Hòa-Giải Saigon

Ngày 7 tháng 8 năm 195

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

DAO ANH DUNG

Năm một ngàn chín trăm năm mươi 8 ngày 7 tháng 8, hồi 10 giờ,
Trước mặt chúng tôi là **NGUYỄN VĂN ĐOANH**, Chánh-An Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự **PHAN VĂN KHANH**
phụ-tá

DÃ ĐẾN HẦU.

1.- HOANG VAN AN

2.- NGUYEN TRONG THI

3.- TRAN DUC QUYNH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

DAO ANH DUNG (nam)

sinh ngày 15-1-1950 tại Thai-binh, Bac-Phan
con của DAO NGOC CHUNG và NGUYEN THI MY

Và duyên-cớ mà Dao-ngoc-Chung không có thể xin sao-lục khai sanh
được là vì sự giao-thông bị gián-đoạn.

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận trên đây, nên phát giấy thế-vì khai-sanh
này cho tên **ĐOANH AN**
để **xin sang theo luật**
chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ
Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải,
phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2.000 quan
đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không ro

Dưới có ghi : Trước bạ tại phòng ba Saigon,

Ngày .. tháng .. năm 195 .. Quyền , tờ , số , Thi

Ký tên : **không ro**



Lục sao y,
Chánh-Lục-Sự,

GIÁ TIỀN:

Sao-lục 1\$—

Biên-lai 0.50

Cộng 1\$50

VIỆT-NAM, CỘNG-HÒA

BỘ TƯ PHÁP

Sở Tư-Pháp Núi-Phân

TÒA HÒA-GIẢI
SAIGON

Lục sao y theo bản chính để tại phòng Lục-sự tòa Hòa-Giải Saigon

Ngày 7 tháng 8 năm 195

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

DAO ANH DUNG

Năm một ngàn chín trăm năm mươi 8 ngày 7 tháng 8, hồi 10 giờ,
Trước mặt chúng tôi là: **NGUYEN VAN DOANH**, Chánh-Án Tòa Hòa-Giải
Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự **PHAM VAN THANH**
phụ-tá

ĐÃ ĐẾN HẦU.

1.- HOANG VAN AN

2.- NGUYEN TRONG THI

3.- TRAN DUC QUYNH

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

DAO ANH DUNG (nam)

sinh ngày 15-1-1950 tại Thai-binh, Bac-Phấn
con của DAO NGOC CHUNG và NGUYEN THI MY

Và duyên-cớ mà Dao-ngoc-Chung
được là vì sự giao-thông bị gián-đoạn.

không có thể xin sao-lục khai sanh

Mấy nhân-chứng đã xác-nhận trên đây, nên phát giấy thẻ-vì khai-sanh
này cho tên **Quang Su**
để **xin mang theo luật**
chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ
Lâm-Thời Nam-Phân Việt-Nam. Các điều 363 và tiếp theo của bộ hình-luật canh-cải,
phạt tội ngụy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 50 đến 2 000 quan
đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và viên Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ

Dưới có ghi: Trước bạ tại phòng ba Saigon.

Ngày .. tháng .. năm 195 .. Quyền .. tờ .. số .., Thị

Ký tên: **không rõ**



Lục sao y,
Chánh Lục-Sự,

GIÁ TIỀN:

Sao-lục 1\$—
Biên-lai 0,50
Cộng 1\$50

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH HAIPHONG
(Extrait du registre des actes de naissance)

BẮC- (NAM - PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 8496
(Acte N°)

| | |
|---|--------------------|
| Tên, họ đứa con nít.
(Nom et prénom de l'enfant) | DAO THI DUNG |
| Nam, nữ.
(Sexe de l'enfant) | gái |
| Sanh ngày nào
(Date de naissance) | II - IO - 1953 |
| Sanh tại chỗ nào.
(lieu de naissance) | Bệnh viện Haiphong |
| Tên, họ cha
(Nom et prénom du père) | DAO NGOC CHUNG |
| Cha làm nghề gì
(Sa profession) | canh binh |
| Nhà cửa ở đâu
(Son domicile) | 202 Lạc-viên |
| Tên, họ mẹ
(Nom et prénom de la mère) | NGUYEN THI MY |
| Mẹ làm nghề gì
(Sa profession) | buôn bán |
| Nhà cửa ở đâu
(Son domicile) | 202 Lạc-viên |
| Vợ chánh hay vợ thứ
(Son rang de femme mariée) | |

Chúng tôi, NGUYEN HUU DUONG, được
(Nous)

Chánh-án Tòa SAIGON U.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông HUYNH VAN LINH
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

SAIGON, ngày 5. 8. 1958

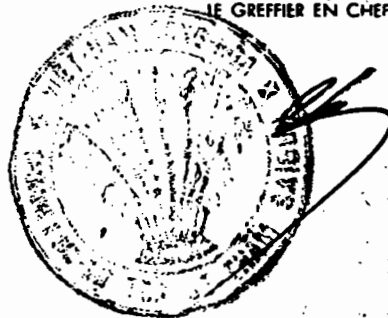
TUN. CHÁNH-ÁN.
(LE PRÉSIDENT)

THAM PHAN,

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

SAIGON, ngày 5. 8. 1958

CHÁNH LỤC-SỰ.
(LE GREFFIER EN CHEF)



Giá tiền : 5\$

(Coté)

Biên-lai số :

(Quittance n°)

46.229/34

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
République du Viêt - Nam

BỘ TƯ - PHÁP
Secrétariat d'Etat à la Justice

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHÂN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC - SỰ TÒA SAIGON

(GREFFE DU TRIBUNAL DE)

BẢN TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH HAIPHONG
(Extrait du registre des actes de naissance)

BAC - (NAM - PHÂN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1953
(Année)

SỐ HIỆU 8496
(Acte N°)

| | |
|---|--------------------|
| Tên, họ đứa con nít.
(Nom et prénom de l'enfant) | DAO THI DUNG |
| Nam, nữ.
(Sexe de l'enfant) | gái |
| Sinh ngày nào.
(Date de naissance) | II - IO - 1953 |
| Sinh tại chỗ nào.
(Lieu de naissance) | Bệnh viện Haiphong |
| Tên, họ cha.
(Nom et prénom du père) | DAO NGOC CHUNG |
| Cha làm nghề gì.
(Sa profession) | canh binh |
| Nhà cửa ở đâu.
(Son domicile) | 202 Lạc-viên |
| Tên, họ mẹ.
(Nom et prénom de la mère) | NGUYEN THI MY |
| Mẹ làm nghề gì.
(Sa profession) | buôn bán |
| Nhà cửa ở đâu.
(Son domicile) | 202 Lạc-viên |
| Vợ chánh hay vợ thứ.
(Son rang de femme mariée) | |

Chúng tôi, NGUYEN HUU DUONG, được
(Nous)

Chánh - án Tòa SAIGON T.N.
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông HUYNH VAN LINH
(M.)

Chánh Lục-sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal).

SAIGON, ngày 5. 8. 1958

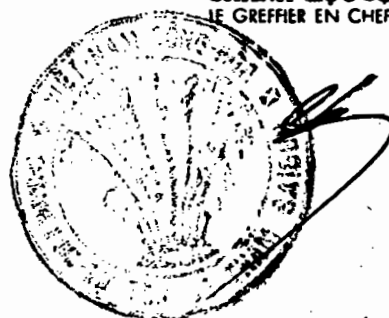
TUN. CHÁNH - ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

THAM PHAN,

Trích y bản chánh
(Pour extrait conforme)

SAIGON, ngày 5. 8. 1958

CHÁNH LỤC-SỰ.
(LE GREFFIER EN CHEF).



Giá tiền : 5đ

(Coi)

Biên-lai số :

(Quittance n°)

46.229/34

NAM-VIET

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON-CHOLON

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

Thành-Phố CHOLON

QUẬN TU

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Số hiệu 6282

NĂM một ngàn chín trăm năm mươi sáu (1956)

Imp. Jph Nguyen-Viet, Saigon 1057-56 BT.Q.

CHỖ ĐƯỢC PHÍ ĐỂ DÙNG VÊ CÔNG

| | |
|-----------------------------|---|
| Tên, họ đứa nhỏ | Đào duy Tiến |
| Phái | nam |
| Sanh ngày nào | năm tháng năm năm một ngàn chín
trăm năm mươi sáu hồi I giờ 45 |
| Tại | 5-D/5, đường Vĩnh Viễn |
| Tên, họ người cha | Đào ngọc Chung |
| Tuổi | ba mươi sáu |
| Nghề | canh sát viên |
| Trú tại | 6-A/9 đường Bành |
| Tên, họ người mẹ | Nguyễn thị My |
| Tuổi | ba mươi ba |
| Nghề | không |
| Trú tại | 6-A/9, đường Bành |
| Vợ chánh hay thứ | vợ chánh |

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Cholon, ngày 19 tháng 9 năm 1956

T. U. N. ĐO TRƯỞNG SAIGON-CHOLON

Quận Tư, A



Trưởng-Quận-Quận-Tu

NAM-VIET

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON-CHOLON

Thành-Phố CHOLON

QUẬN TU

Số hiệu 6282

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

NĂM một ngàn chín trăm năm mươi sáu (1956)

Ino. Jph Nguyen-Viet, Saigon 1057-56 DT.G.

| | |
|-----------------------------|---|
| Tên, họ đứa nhỏ | Đào duy Tiên |
| Phái | nam |
| Sanh ngày nào | năm tháng năm măm một ngàn chín
trăm năm mươi sáu hồi I giờ 45 |
| Tại | 5-D/5, đường Vĩnh Viễn |
| Tên, họ người cha | Đào ngọc Chung |
| Tuổi | ba mươi sáu |
| Nghề | canh sát viên |
| Trú tại | 6-A/9 đường Bành |
| Tên, họ người mẹ | Nguyễn thi My |
| Tuổi | ba mươi ba |
| Nghề | không |
| Trú tại | 6-A/9, đường Bành |
| Vợ chánh hay thứ | vợ chánh |

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

Cholon, ngày 19 tháng 9 năm 1956

T. U. N. Đ. TRƯỞNG SAIGON-CHOLON

Quận Tư, A



Trưởng-Quận-Quận-Tu

NAM-PHẦN .

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

ĐÔ - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Đoà Hành-Chính Quận 5

HP/6

Số hiệu 15.778

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Cước phí : 10\$00

NĂM Một ngàn chín trăm năm mươi chín (1959)

NHA IN NG-V-BUON-SAIGON

| | |
|-----------------------------|--|
| Tên, họ đứa nhỏ | Đào-duy-Mạnh |
| Phái | Nam |
| Sanh ngày nào | Bốntháng chín năm một ngàn chín
trăm năm mươi chín, hồi 21giờ15 |
| Tại | 128, đại-lộ Hùng-Vương |
| Tên, họ người cha | Đào-ngọc-Chúng |
| Tuổi | Ba mươi chín |
| Nghề | Công chức |
| Trú tại | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Tên, họ người mẹ | Nguyễn-thị-My |
| Tuổi | Ba mươi sáu |
| Nghề | Nội trợ |
| Trú tại | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Vợ chánh hay thứ | Vợ chánh |

Lập tại Saigon, ngày 7 tháng 9 năm 1959

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

SAIGON, ngày 18 tháng 9 năm 1959

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

Quận-Trưởng, Quận Năm



Ngô Đình

NGUYỄN TUYÊN

Tham sự

NAM-PHẦN .

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

Ô - THÀNH SAIGON

HỘ - TỊCH

Hành-Chính Quận 5

HP/6

hiệu 15.778



TRÍCH - LỤC BỘ KHAI SANH

Cước phí : 10\$00

NĂM . Một ngàn chín trăm năm mươi chín (1959)

HEA IN HO-V-HUAN-SAIGON

| | |
|-----------------------------|---|
| Tên, họ đứa nhỏ | Đào-duy-Mạnh |
| Phái | Nam |
| Sanh ngày nào | Bốntháng chín năm, một ngàn chín
trăm năm mươi chín, hồi 21giờ15 |
| Tại | 128, đại-lộ Hùng-Vương |
| Tên, họ người cha | Đào-ngọc-Chúng |
| Tuổi | Ba mươi chín |
| Nghề | Công chức |
| Trú tại | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Tên, họ người mẹ | Nguyễn-thị-My |
| Tuổi | Ba mươi sáu |
| Nghề | Nội trợ |
| Trú tại | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Vợ chánh hay thứ | Vợ chánh |

Lập tại Saigon, ngày 7 tháng 9 năm 1959

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH :

SAIGON , ngày 18 tháng 9 năm 1959

T.U.N. ĐÔ-TRƯỞNG SAIGON

Quận-Trưởng, Quận Năm



ngochetg

QUYỀN TỰ CHỌN

1000 59

NAM-PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

HỘ-TỊCH

Tòa Hành-Chánh Quận Năm

Số hiệu 2727/B

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM Một ngàn chín trăm sáu mươi một (1961)

CƯỚC-PHÍ: 10\$.

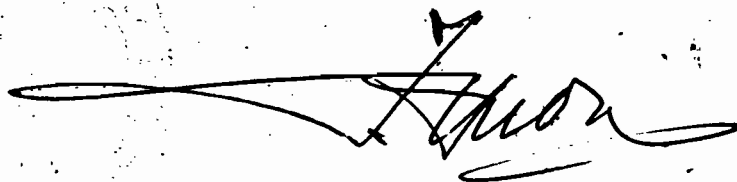
Nhà in Nguyễn-Trí-Thành - Saigon

| | |
|-----------------------------|--|
| Tên, họ đứa nhỏ | Đào Duy Lâm |
| Phái | Nam |
| Ngày sanh | Mười chín tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi một hồi 15625 |
| Nơi sanh | 128 đại lộ TRUNG VƯƠNG |
| Tên, họ người cha | Đào ngọc Chung |
| Tuổi | Bốn mươi một |
| Nghề-nghiệp | Công chức |
| Nơi cư-ngụ | 69 đường NGUYỄN LAM |
| Tên, họ người mẹ | Nguyễn thị Mỹ |
| Tuổi | Ba mươi tám |
| Nghề-nghiệp | nội trợ |
| Nơi cư-ngụ | 69 đường NGUYỄN LAM |
| Vợ chánh hay thứ | Vợ chánh |

lập tại Saigon, ngày 21 tháng 3 năm 1961
TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÍNH:

Saigon, ngày 29 tháng 3 năm 1961
Quận-Trưởng, Quận Năm, 3

1961



3/10/61

NAM-PHẦN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐỒ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận Năm

Số liệu 2727/B

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NAM Một ngàn chín trăm sáu mươi mốt (1961)

CƯỚC-PHÍ: 10\$.

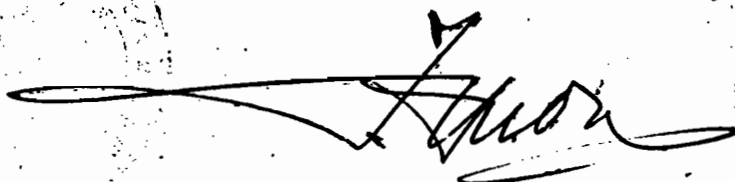
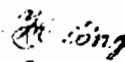
Nhà in Nguyễn-Trí-Thành - Saigon

| | |
|-------------------------|--|
| Tên, họ đứa nhỏ | Đào Quý Lâm |
| Phái | Nam |
| Ngày sanh | Mười chín tháng ba năm một ngàn
chín trăm sáu mươi mốt hồi
15/3/61 |
| Nơi sanh | 128 Đại lộ JUNG WUONG |
| Tên, họ người cha . . . | Đào Ngọc Chung |
| Tuổi | Bốn mươi mốt |
| Nghề-nghiep | Công chức |
| Nơi cư-ngụ | 69 đường NGUYỄN LAM |
| Tên, họ người mẹ . . . | Nguyễn thị Ly |
| Tuổi | Ba mươi tám |
| Nghề-nghiep | nội trợ |
| Nơi cư-ngụ | 69 đường NGUYỄN LAM |
| Vợ chánh hay thứ . . . | Vợ chánh |

lập tại Saigon, ngày 21 tháng 3 năm 1961
TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH:

Saigon, ngày 29 tháng 3 năm 1961
Quận-Trưởng, Quận Năm, B

1961

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận NAM

Số hiệu: 2814 B

*
Miễn phí công vụ

HỘ - TỊCH

NH/4

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi Ba (1963)

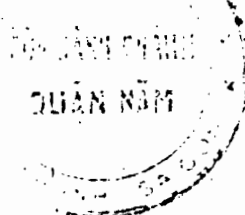
| | |
|-----------------------|--|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . | ĐẠO DUY ĐÌNH |
| Phái. | NAM |
| Ngày sanh | Mười sáu tháng ba năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba hồi 8 giờ |
| Nơi sanh | 128, Đại-Lô Hung-Vương |
| Tên, họ người Cha . . | ĐẠO NGOC CHUNG |
| Tuổi. | Bốn mươi ba |
| Nghề-nghiệp. | Công-Chức |
| Nơi cư-ngụ | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Tên, họ người Mẹ. . . | NGUYEN THI MY |
| Tuổi. | Bốn mươi |
| Nghề-nghiệp. | Nội trợ |
| Nơi cư-ngụ | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Vợ chánh hay thứ. . . | vợ chánh |

Làm tại Saigon, ngày 19 tháng 3 năm 1963

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH:

Saigon, ngày 26 tháng 9 năm 1963

T. QUẢN-TRƯỞNG QUẬN NAM



BA
NGUYỄN-KIM-BA

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

ĐÔ-THÀNH SAIGON

Tòa Hành-Chánh Quận NAM

Số hiệu: 2214 B

*
Mẫu phi công vụ

HỘ - TỊCH

NH/4

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi Ba (1963)

| | |
|-----------------------|---|
| Tên, họ đứa nhỏ . . . | ĐẠO DUY ĐÌNH |
| Phái. | NAM |
| Ngày sanh | Mười sáu tháng ba năm một ngàn chín
trăm sáu mươi ba hồi 8 giờ |
| Nơi sanh | 128, Đại-Lô Hung-Vương |
| Tên, họ người Cha . . | ĐẠO NGỌC CHUNG |
| Tuổi. | Bốn mươi ba |
| Nghề-nghiệp. | Công-Chức |
| Nơi cư-ngụ | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Tên, họ người Mẹ. . . | NGUYỄN, THI MY |
| Tuổi. | Bốn mươi |
| Nghề-nghiệp. | Nội trợ |
| Nơi cư-ngụ | 69, đường Nguyễn-Lâm |
| Vợ chánh hay thứ. . . | vợ chánh |

Làm tại Saigon, ngày 19 tháng 3 năm 1963

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 26 tháng 9 năm 1963
TL. QUÂN-TRƯỞNG QUẬN NAM

QUẬN NAM

NGUYỄN-KIM-BA

Tỉnh
Province

Giấy Khai Sinh

TỜ NÀY THAY SỔ SINH RA

Acte de notoriété tenant lieu d'acte de naissance

Tên và họ đứa trẻ con
Nom et prénoms de l'enfant

Con gái hay con gái
Son sexe

Đẻ ở chỗ nào
Lieu de naissance

Đẻ ngày nào
Date de naissance

Tên và họ người bố
Nom et prénoms de son père
Con đẻ hoặc thì phải khai tên mẹ
Pour les enfants nés hors mariage le nom de la mère devra être seul indiqué

Ở chỗ nào
Son domicile

Làm nghề nghiệp gì
Sa profession

Tên và họ người mẹ
Nom prénoms de sa mère

Ở chỗ nào
Son domicile

Làm nghề nghiệp gì
Sa profession

Là vợ thứ mấy
Son rang de femme mariée

Tên và họ người đứng khai
Nom et prénoms du déclarant

Bao nhiêu tuổi
Son âge

Làm nghề nghiệp gì
Sa profession

Ở chỗ nào
Son domicile

Tên và họ người làm chứng thứ nhất
Nom et prénoms du 1er témoin

NGUYEN-THI-MY

Con gái

Thị-Xa Nam-Dinh

Ngày 18 tháng Ba năm 1923

NGUYEN-TRINH-NGUYEN (chết)

"

"

DAO-THI-BON (chết)

"

"

Vợ cả

NGUYEN-THI-MY

32 tuổi

Nội trợ

202 Lạc-Long-Quán Hai-Phong

BUI-HUU-KINH

| | |
|--|----------------------------|
| Bao nhiêu tuổi
Son âge | 59 tuổi |
| Làm nghề nghiệp gì
Sa profession | Buôn bán |
| Ở chỗ nào
Son domicile | 202 Lạc-Long-Quán Haiphong |
| Tên và họ người làm chứng thứ hai
Nom et prénoms du 2 ^e témoin | PHUNG-THI-THAC |
| Bao nhiêu tuổi
Son âge | 43 tuổi |
| Làm nghề nghiệp gì
Sa profession | Buôn bán |
| Ở chỗ nào
Son domicile | 202 Lạc-long-Quán Haiphong |
| Tên và họ người làm chứng thứ ba
Nom et prénoms du 3 ^e témoin | PHAM-THI-TU |
| Bao nhiêu tuổi
Son âge | 84 tuổi |
| Làm nghề nghiệp gì
Sa profession | Nội trợ |
| Ở chỗ nào
Son domicile | 202 Lạc-long-Quán Haiphong |

Ký tên
Signature
Người đứng khai
Le déclarant
Nguyễn-thi-Mỹ ký

Ở Haiphong ngày 21 tháng 1 năm 1955
A
các người làm chứng
Les témoins
Bui-huu-Kinh ký
Phung-thi-Thac ký
Pham-thi-Tu ký

nhân thục
Trưởng khu ủy/Xã/ky
Le Chef Zone ou le Maire
Ký tên không rõ

L'Officier de l'Etat civil
Họ Lại hay Hộ Tịch

Thị thực chữ ký của
Vu pour légalisation de la signature de
Ông Nguyễn Văn Lữ Trưởng khu
Lạc Viên
Apposée, ci contre
Haiphong, le 28 - 1 - 1955
Đại lý hành chính
Bản văn Bộ đồng dấu
và ký tên không rõ.

SAO Y EÂN CHÍNH
Hải Phòng, ngày 24 - 2 - 1955

U. N. ĐẠI LÝ HÀNH CHÍNH
RHO ĐẠI LÝ
ĐOÀN - BA-TÂM



Handwritten signature or initials.

Tỉnh _____
Province _____

Giấy Khai Sinh

TỜ NÀY THAY SỔ SINH RA

Acte de notoriété tenant lieu d'acte de naissance

Tên và họ đứa trẻ con
Nom et prénoms de l'enfant

Con gái hay con gái
Son sexe

Đẻ ở chỗ nào
Lieu de naissance

Đẻ ngày nào
Date de naissance

Tên và họ người bố
Nom et prénoms de son père
Con đẻ hoặc thì phải khai tên mẹ
Pour les enfants nés hors mariage le nom de la mère devra être seul indiqué

Ở chỗ nào
Son domicile

Làm nghề nghiệp gì
Sa profession

Tên và họ người mẹ
Nom prénoms de sa mère

Ở chỗ nào
Son domicile

Làm nghề nghiệp gì
Sa profession

Là vợ thứ mấy
Son rang de femme mariée

Tên và họ người đứng khai
Nom et prénoms du déclarant

Bao nhiêu tuổi
Son âge

Làm nghề nghiệp gì
Sa profession

Ở chỗ nào
Son domicile

Tên và họ người làm chứng thứ nhất
Nom et prénoms du 1er témoin

NGUYEN-THI-MY

Con gái

Thị-Xa Nam-Dinh

Ngày 18 tháng Ba năm 1923

NGUYEN-TRINH-NGUYEN (chết)

"

"

DAO-THI-BON (chết)

"

"

Vo ca

NGUYEN-THI-MY

32 tuổi

Nội trợ

202 Lạc-Long-Quân Hai-Phong

BUI-HUU-KINH

| | |
|--|----------------------------|
| Bao nhiêu tuổi
Son âge | 59 tuổi |
| Làm nghề nghiệp gì
Sa profession | Buôn bán |
| Ở chỗ nào
Son domicile | 202 Lạc-Long-Quán Haiphong |
| Tên và họ người làm chứng thứ hai
Nom et prénoms du 2 ^e témoin | PHUNG-THI-THAC |
| Bao nhiêu tuổi
Son âge | 43 tuổi |
| Làm nghề nghiệp gì
Sa profession | Buôn bán |
| Ở chỗ nào
Son domicile | 202 Lạc-long-Quán Haiphong |
| Tên và họ người làm chứng thứ ba
Nom et prénoms du 3 ^e témoin | PHAM-THI-TU |
| Bao nhiêu tuổi
Son âge | 84 tuổi |
| Làm nghề nghiệp gì
Sa profession | Nội trợ |
| Ở chỗ nào
Son domicile | 202 Lạc-long-Quán Haiphong |

Ký tên
Signature
Người đứng khai
Le déclarant
Nguyễn-thị-My ký

Ở Haiphong ngày 21 tháng 1 năm 1955
A
các người làm chứng
Les témoins
Bui-huu-Kinh ký
Phung-thi-Thac ký
Pham-thi-Tu ký

nhân thục
Trưởng khu ~~hạt~~ XA/ky
Le Chef Zone ou le Maire
Ký tên không rõ

Thị thực chữ ký của

Vu pour légalisation de la signature de

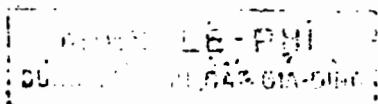
Ông Nguyễn Văn Lễ Trưởng khu
Lạc Viên Apposée, ci contre

Haiphong le 28 - 1 - 1955
Đại lý hành chính
Đã dán vào Bộ Đăng Dấu
và ký tên không rõ

L'Officier de l'Etat civil
Hộ Lại hay Hộ Tích

SAO Y EÂN CHÍNH
Hải Phòng, ngày 28 - 2 - 1955

K. U. N. ĐẠI LÝ HÀNH CHÍNH
RHO ĐẠI LÝ
ĐOÀN - BA-TAM



Đ.N.

T.P Hồ Chí Minh ngày 15.1.90

Kính gửi: - Bà Khúc minh Thở và quý họ

Thưa bà và quý họ,

gia đình chúng tôi vô cùng cảm động và sung sướng nhận được thư phúc đáp của bà đề ngày 17.12.89.

gia đình tôi và riêng bản thân tôi được một niềm an ủi lớn lao là bà và quý họ từ phương xa vẫn một lòng hướng về quê nhà, cứu giúp cho hoàn cảnh số phận của những tù nhân cải tạo và gia đình họ.

gia đình chúng tôi chân thành cảm ơn tấm lòng nhân đạo của bà và quý họ hết lòng xúc tiến mọi thủ tục cần thiết cho gia đình tôi. Về phía gia đình tôi thực hiện theo đúng ý kiến của bà và quý họ đã xúc tiến việc đăng ký xin phép Nhà Nước V.N cho gia đình tôi được phép đi định cư ở Hoa Kỳ trên sự thỏa thuận giữa hai chính phủ.

gia đình tôi tha thiết mong đợi sự giúp đỡ của bà và quý họ hoàn tất các thủ tục cần thiết cho việc nhập cư và mong nhận được sự phúc đáp của bà và quý họ.

gia đình tôi luôn giữ vững niềm tin tưởng vào bà và quý họ, xin được phép bà và quý họ nhận gia đình chúng tôi vào mái nhà chung của bà và quý họ, xin được coi như là những thành viên của tổ ấm gia đình này. Chúng tôi mong đợi, khắc khoải từng ngày được hết thỏ sự Tự Do thật sự. được sống và làm việc hết lòng hết sức.

Chân thành tha thiết mong nhận được sự phúc đáp của bà và quý họ.

Kính thơ

Chúc

Đào ngọc Chung

Bản khai lý lịch

I. Họ tên: Đào Ngọc Chung (nam)

ngày tháng năm sinh: 12.12.1920

nơi sinh: Kiến An - Hải Phòng

Địa chỉ hiện tại: 69 Nguyễn Lãm - P6. Q10. TP Hồ Chí Minh

II. Quan hệ gia đình

1. Nguyễn Thị Mỹ (mũ) - 18.03.1923 tại Nam Hà - 08

2. Đào Anh Dũng (nam) - 15.01.1950 tại Kiến An - con trai

3. Đào Thị Dung (mũ) - 11.10.1953 tại Kiến An - con gái

4. Đào Duy Tiến (nam) - 05.05.1956 tại Saigon - con trai

5. Đào Duy Mạnh (nam) - 04.09.1959 tại Saigon - con trai

6. Đào Duy Lãm (nam) - 19.03.1961 tại Saigon - con trai

7. Đào Duy Đình (nam) - 16.03.1963 tại Saigon - con trai

III. Quá trình làm việc cho chính phủ Việt Nam Cộng Hòa

| <u>Năm</u> | <u>Đơn vị</u> | <u>Cấp bậc</u> | <u>Chỉ huy đơn vị</u> |
|--------------|-------------------------------------|---|--|
| 15.3.1955 | Bộ Tổng nha (phòng kế toán)
CSCA | | Tướng Nguyễn
Ngọc Lễ |
| 1955-1958 | " (phòng lương bổng) | Phó thẩm sát viên | " |
| 1958-1964 | " (phòng căn cước) | hang: 4
3
2
1 | Tướng Nguyễn
Văn Lã |
| 1964-1969 | " (phòng công văn) | Thượng hạng | " |
| 1969-1972 | " (phòng căn cước) | Thẩm sát viên 4
3
2
1
Thượng hạng | Đại tá Phạm Xuân
Chiến
Đại tá Trần Thanh
Bến
Tướng Trần Thanh
phong |
| 1972-30.4.75 | Bộ Tư lệnh (phòng căn cước)
CSQG | Trung úy | Tướng Nguyễn
Khắc Bình |

IV. Thời gian học tập cải tạo

15.6.1975. đi HTCT

6/1975 - 12/1975. trại Suối Máu

1/1976 - 2/1977. trại Trảng Lớn

2/1977 - 10/1977. trại Đồng Bàn

10/1977 - 12/1978. trại Chi Hòa

12/1978 - 18/7/1979. trại Xuyên Mộc

Ký tên

C/Me

Đào Ngọc Chung